

Bản án số: 44/2026/HNGĐ -ST
Ngày 20-5-2026
V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật,
tranh chấp nuôi con chung khi
hủy kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Thành và ông Quàng Văn Tiệp

- Thư ký phiên toà: Bà Tông Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2026/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 về việc Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung khi hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐST - HNGĐ ngày 22/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị C, sinh năm 1993, địa chỉ: Bản N, xã C, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Quàng Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản M, xã C, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã C, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lò Lan P, chủ tịch UBND xã C.

Đều có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quàng Văn T qua thời gian tìm hiểu, quen biết nhau, yêu thương nhau đã tự nguyện đã đăng ký kết hôn ngày 26/12/2007 tại xã C, tỉnh Sơn La. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc. Khi đăng ký kết hôn chị chưa đủ tuổi nên đã khai tăng tuổi là sinh năm 1989. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống.

Anh chị đã nhiều lần được gia đình 2 bên khuyên răn, nhắc nhở nhưng trong cuộc sống vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã và không thể hòa hợp với nhau. Anh chị đã sống ly thân một thời gian, không còn yêu thương quan tâm đến nhau nữa.

Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị viết đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3- Sơn La giải quyết hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa vợ chồng anh chị.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Quàng Thị L, sinh ngày 27/12/2008; cháu Quàng Nhã U, sinh ngày 27/7/2010; cháu Quàng Thanh L1, sinh ngày 05/7/2013.

Trong thời gian anh chị sống ly thân các cháu Quàng Nhã U, Quàng Thị L; cháu Quàng Thanh L1 ở với anh T; cuộc sống của các cháu đảm bảo về mọi mặt, được chăm sóc ăn mặc và học hành đầy đủ. Nếu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh T, chị nhất trí để anh Quàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Quàng Nhã U, Quàng Thị L, Quàng Thanh L1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ban đầu chị Lò Thị C khai tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi các cháu là 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2026 chị Lò Thị C lại thay đổi ý kiến: Chị không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung do anh Quàng Văn T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Quàng Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lò Thị C qua thời gian tìm hiểu, quen biết nhau, yêu thương nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Sơn La. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc. Khi đăng ký kết hôn chị Lò Thị C chưa đủ tuổi nên đã khai là sinh năm 1989

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì không hạnh phúc nữa nhưng cũng không mâu thuẫn gì. Anh chị đã nhiều lần được gia đình 2 bên khuyên răn, nhắc nhở nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân một thời gian, không còn yêu thương quan tâm đến nhau.

Nay chị Lò Thị C viết đơn yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật giữa vợ chồng anh chị, nguyện vọng của anh Quàng Văn T nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Quàng Thị L, sinh ngày 27/12/2008; cháu Quàng Nhã U, sinh ngày 27/7/2010; cháu Quàng Thanh L1, sinh ngày 05/7/2013.

Trong thời gian anh chị sống ly thân các cháu Quàng Nhã U, Quàng Thị L; cháu Quàng Thanh L1 ở với anh; cuộc sống của các cháu đảm bảo về mọi mặt, được chăm sóc ăn mặc và học hành đầy đủ. Nếu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh T, anh nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Quàng Nhã U,

Quàng Thị L, Quàng Thanh L1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu chị Lò Thị C phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã C, tỉnh Sơn La trình bày:

Vào ngày 26/12/2007 chị Lò Thị C và anh Quàng Văn T có đến UBND xã C, tỉnh Sơn La đăng ký kết hôn. Tuy nhiên tại thời điểm đó chị Lò Thị C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đã khai sinh ngày 22/12/1989 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị C trong đăng ký kết hôn 26/12/2007 vào sổ số 49 quyển 01 và chị Lò Thị C trong căn cước công dân số 014193015559; xác nhận thông tin cư trú số 1738/XN ngày 25/9/2025 là một người. Ngày tháng năm sinh chính xác của chị Lò Thị C là ngày 22/11/1993.

Nay chị Lò Thị C khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Sơn La xem xét giải quyết hủy đăng ký trái pháp luật giữa chị và anh Quàng Văn T. Căn cứ theo Luật Hôn nhân gia đình về điều kiện đăng ký kết hôn nhân, UBND xã C, tỉnh Sơn La đề nghị Tòa án Hủy đăng kết hôn trái pháp luật ngày 26/12/2007 vào sổ số 49 quyển 01 giữa chị Lò Thị C và anh Quàng Văn T.

Kết quả ghi ý kiến con chung: Các cháu Quàng Thị L, sinh ngày 27/12/2008; cháu Quàng Thanh L1, sinh ngày 05/7/2013; cháu Quàng Nhã U, sinh ngày 27/7/2010 đều trên 07 tuổi, Tòa án đã lấy lời khai: Các cháu đều có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lò Thị C, bị đơn anh Quàng Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã C, tỉnh Sơn La: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị C và anh Quàng Văn T theo đăng ký kết hôn số 49 quyển 01 ngày 26/12/2007 tại UBND xã C, tỉnh Sơn La. Hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Chị Lò Thị C và anh Quàng Văn T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ ngày Bản án này có hiệu lực. Về con chung: Giao các cháu 03 con chung là cháu Quàng Thị L, sinh ngày 27/12/2008; cháu Quàng Thanh L1, sinh ngày 05/7/2013; cháu Quàng Nhã U, sinh ngày 27/7/2010 cho anh Quàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp

luật. Chị Lò Thị C chưa phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung do anh Quảng Văn T chưa yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Lò Thị C không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lò Thị C yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung khi hủy kết hôn trái pháp luật đối với bị đơn anh Quảng Văn T có địa chỉ tại Bản M, xã C, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 3 – Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số .

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng.

Người khởi kiện là chị Lò Thị C, người bị kiện là anh Quảng Văn T; việc giải quyết vụ án Hủy kết hôn trái pháp luật liên quan đến hoạt động công vụ, đăng ký kết hôn của UBND xã C. Do đó Hội đồng xét xử xác định: nguyên đơn là chị Lò Thị C, bị đơn là anh Quảng Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã C, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự có mặt của các đương sự.

Chị Lò Thị C, anh Quảng Văn T và UBND xã C, tỉnh Sơn La có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Xác định thời điểm kết hôn: Chị Lò Thị C, anh Quảng Văn T và UBND xã C, tỉnh Sơn la đều xác định chị Lò Thị C và anh Quảng Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Sơn la vào ngày 26/12/2007 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bên nào bị ép buộc. Lời khai của các đương sự phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 quyền số 01 do UBND xã C, tỉnh Sơn La cấp và các tài liệu chứng cứ khác nên đủ cơ sở để xác định anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2007.

Xác định ngày tháng năm sinh của chị Lò Thị C: Các tài liệu trong hồ sơ đều thể hiện chị Lò Thị C trong giấy xác nhận thông tin cư trú của Công an xã C; trong Căn cước công dân và chị Lò Thị C trong Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là một người. Do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị khai tăng tuổi trong Giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn là sinh ngày 22/12/1989. Trên cơ sở đó đủ căn cứ để xác định ngày sinh của chị Lò Thị C là ngày 22/12/1993.

Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Như phần nhận định ở trên, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26/12/2007 chị Lò Thị C mới được 14 tuổi 0 tháng 0 ngày, chưa đủ tuổi để thực hiện đăng ký kết hôn “*nữ từ 18 tuổi trở lên*”, vi phạm điều kiện kết hôn tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Mặt khác, lời khai của chị Lò Thị C phù hợp với kết quả xác minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cùng thể hiện: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã nhiều lần được gia đình 2 bên khuyên răn, nhắc nhở nhưng trong cuộc sống vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã và không thể hòa hợp với nhau. Anh chị đã sống ly thân một thời gian, không còn yêu thương quan tâm đến nhau nữa. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị Lò Thị C viết đơn yêu cầu hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa vợ chồng chị.

Bị đơn là anh Quảng Văn T nhất trí với yêu cầu của chị Lò Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã C cũng có yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị C và anh Quảng Văn T theo đăng ký kết hôn số 49 quyền 01 ngày 26/12/2007 tại UBND xã C, tỉnh Sơn La.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC -VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị C, ý kiến của anh Quảng Văn T và UBND xã C: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa Lò Thị C và anh Quảng Văn T theo đăng ký kết hôn số 49 quyền 01 ngày 26/12/2007 tại UBND xã C, tỉnh Sơn La.

[3] Hậu quả của việc Hủy kết hôn trái pháp luật.

[3.1] Về hôn nhân.

Chị Lò Thị C và anh Quảng Văn T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Quảng Thị L, sinh ngày 27/12/2008; cháu Quảng Nhã U, sinh ngày 27/7/2010; cháu Quảng Thanh L1, sinh ngày 05/7/2013.

Xét thấy trong thời gian anh chị sống ly thân, anh Quảng Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục các cháu, cuộc sống được đảm bảo, được chăm sóc ăn mặc, học hành đầy đủ; các cháu cùng có nguyện vọng ở với bố. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên; đảm bảo cuộc sống không bị xáo trộn và phù hợp với thực tế cần giao các cháu Quảng Thị L, sinh ngày 27/12/2008; cháu Quảng Thanh L1, sinh ngày 05/7/2013; cháu Quảng Nhã U, sinh ngày 27/7/2010 cho anh Quảng Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Lò Thị C chưa phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung do anh Quàng Văn T chưa yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí sơ thẩm: Quan hệ pháp luật là hủy kết hôn trái pháp luật và chị Lò Thị C là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, sau khi thụ lý vụ án có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên không phải chịu án phí sơ thẩm theo điểm d khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Sơn La là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 186, Điều 188; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số .

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8, Điều 9, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 12, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lò Thị C và anh Quàng Văn T theo đăng ký kết hôn số 49 quyền 01 ngày 26/12/2007 tại UBND xã C, tỉnh Sơn La.

2. Hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

2.1. Chị Lò Thị C và anh Quàng Văn T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ ngày Bản án này có hiệu lực.

2.2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Quàng Thị L, sinh ngày 27/12/2008; cháu Quàng Nhã U, sinh ngày 27/7/2010; cháu Quàng Thanh L1, sinh ngày 05/7/2013.

Giao các cháu 03 con chung là cháu Quàng Thị L, sinh ngày 27/12/2008; cháu Quàng Thanh L1, sinh ngày 05/7/2013; cháu Quàng Nhã U, sinh ngày 27/7/2010 cho anh Quàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Lò Thị C chưa phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung do anh Quàng Văn T chưa yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Chị Lò Thị C không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000379 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3 – Sơn La;
- Cơ quan THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai